

Bản án số: 03/2019/HS-PT
Ngày 27-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 5**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 2// Bùi Đình Tráng.

Các Thẩm phán:

- 3// Nguyễn Thanh Tùng.

- 3// Nguyễn Văn Thịnh.

Thư ký phiên tòa: 4/ Nguyễn Xuân Kỳ, Thư ký Tòa án quân sự QK5.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 5 tham gia phiên tòa: 3// Trầm Sỹ Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 5 xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 03/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Trần Duy V, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Duy V, sinh ngày 12/8/1997 tại tỉnh QN; nơi cư trú: Thôn Thanh Đông, xã Cẩm Thanh, thành phố HA, tỉnh QN; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần P, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

1. Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Nguyễn Văn Tr, thuộc Văn phòng luật sư ĐT, Đoàn luật sư thành phố ĐN; có mặt.

2. Đại diện hợp pháp của bị hại:

Ngô Quang L (ông L được bà Phạm Thị S và bà Đinh Thị Thu H ủy quyền; cả 03 người đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại Ngô Quốc T), sinh năm 1952 tại Hà Nội; nơi ĐKNKTT: Số 03 ngõ 02 phố Hoàng Sâm, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; vắng mặt có lý do.

Bị hại Ngô Quốc T, sinh ngày 02/8/1984 tại tỉnh Phú Thọ (chết ngày 07/9/2018); nguyên là Đại úy, Bác sĩ, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108; con ông Ngô Quang L, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1955, đều nghỉ

hưu; vợ là Đinh Thị Thu H, sinh năm 1983; có hai con là Ngô Quốc B sinh ngày 12/10/2010 và Ngô Quang Th sinh ngày 24/10/2013.

3. Những người làm chứng:

+ Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (địa chỉ: số 01, đường Trần Hưng Đạo, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội); vắng mặt có lý do.

+ Trần Duy T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: K431 Nguyễn Tất Thành, khối Bàu Súng, phường Thanh Hà, thành phố HA, tỉnh QN; có mặt.

+ Trần P, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Thanh Đông, xã Cẩm Thanh, thành phố HA, tỉnh QN; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 15' ngày 02/6/2018, sau khi uống bia Trần Duy V điều khiển xe mô tô BKS 92C1-170.92 (không có giấy phép lái xe theo quy định) chạy trên đường Lý Thường Kiệt hướng Thanh Hà đi Cửa Đại. Khi đến gần khu vực ngã ba giao nhau giữa đường Lý Thường Kiệt và Phan Đình Phùng (thuộc địa phận phường Cẩm Phô, thành phố HA, QN). Tại thời điểm đó, Trần Duy T1, lái xe taxi xe ô tô BKS 92A-084.27 của Công ty TNHH MTV Mai Linh HA đang dừng xe sát lề bên phải đường Lý Thường Kiệt (cùng chiều đi của xe V) đón anh Ngô Quốc T đang đứng dưới đất mở cửa sau bên trái để lên xe. Do uống nhiều bia, thiếu tập trung quan sát, không làm chủ tốc độ nên khi khoảng cách đến xe ô tô taxi khoảng 05m V mới phát hiện thấy. Vì khoảng cách quá gần nên V không kịp xử lý để phía trước xe mô tô do mình điều khiển tông vào phía trong cửa sau bên trái của xe ô tô và người anh T. V, anh T và xe mô tô ngã ra đường. Hậu quả anh T bị thương nặng được đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện Đa khoa Thái Bình Dương, bệnh viện ĐN và bệnh viện Trung ương Quân đội 108 đến ngày 07/9/2018 anh T chết.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 12/4/2019, Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5 đã quyết định:

Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Duy V phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (BLHS). Xử phạt bị cáo Trần Duy V 42 (bốn mươi hai) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 591; Điều 593; khoản 2 Điều 601 BLDS. Buộc bị cáo Trần Duy V:

Bồi thường gia đình bị hại Ngô Quốc T tổng số tiền 252.364.752 đồng.

Cấp dưỡng cho cháu Ngô Quốc B 1.000.000 đồng/tháng, cháu Ngô Quang Th 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 07/9/2018 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Bồi hoàn cho Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 Bộ Quốc phòng số tiền 613.735.014 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, bị cáo có đơn kháng cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã kết luận. Bị cáo có nhân thân tốt; thật thà khai

báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn; xin giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm Trần Duy V khai nhận: Nội dung diễn biến sự việc phạm tội được bản án sơ thẩm nêu. Bị cáo điều khiển xe máy khi không có giấy phép lái xe theo quy định và uống nhiều bia trước đó, không làm chủ tốc độ và hành vi điều khiển xe máy. Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, bản thân là sinh viên chưa có thu nhập, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cùng với gia đình đã tự nguyện nộp cho Phòng thi hành án Quân khu 5 số tiền là 90.000.000 đồng để đảm bảo bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; tại phiên tòa bị cáo cung cấp tài liệu có bà nội Phạm Thị Nh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì.

Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng Nguyễn Duy T1 có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, nội dung diễn biến sự việc phạm tội như bản án hình sự sơ thẩm nêu. Anh T1 khai tại thời điểm xảy ra tai nạn, tôi dừng xe ở mép đường bên phải, máy vẫn nổ máy, hệ thống đèn chiếu sáng và báo hiệu đều hoạt động; đoạn đường xe tôi dừng có biển cấm đỗ, không cấm dừng, ánh sáng đèn đường đảm bảo không bị che khuất tầm nhìn. Xe ô tô tôi dừng không vi phạm Luật giao thông đường bộ.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên xác định bị cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định. Sau khi phân tích diễn biến hành vi mà bị cáo đã thực hiện cũng như hậu quả của vụ án, Kiểm sát viên cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Duy V về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 260 BLHS sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bản án sơ thẩm đã xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đầy đủ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo và gia đình đã tự nguyện nộp số tiền là 90.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, thể hiện bị cáo ăn năn hối cải, có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, do vậy cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX), xử phạt bị cáo 36 (ba sáu) tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Các khoản Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường là phù hợp, đúng với qui định tại khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 591; Điều 593; khoản 2 Điều 601 BLDS. Do đó, không có cơ sở chấp kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo, không có ý kiến tranh luận và đề nghị Luật sư bào chữa cho bị cáo.

Ý kiến của Luật sư: Đề nghị HĐXX cần xem xét đến nguyên nhân của vụ tai nạn một phần cũng do ô tô taxi đỗ trên đường cấm đỗ; gia đình bị cáo bồi thường thêm 90.000.000 đồng; bị cáo có bà nội Phạm Thị Nh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo có nhân thân tốt. Đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Khoản tiền cứu chữa và điều trị cho bị hại tại Bệnh Viện 108 Bộ quốc phòng đã được cơ quan bảo hiểm thanh toán, không buộc bị cáo phải bồi hoàn.

Kiểm sát viên đối đáp: Xe ô tô taxi do anh T1 điều khiển, dừng đón bị hại khi đã thực hiện đầy đủ yêu cầu qui định của pháp luật, anh T1 không có lỗi. Theo hướng của Tòa án nhân dân Tối Cao, không qui định tình tiết bà nội của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ khác.

Do đó, không có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo, phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng theo khoản 2 Điều 260 BLHS. Do đó, không có cơ sở áp dụng Điều 54, Điều 65 BLHS cho bị cáo.

Căn cứ Điều 584 BLDS về nguyên tắc bồi thường thiệt hại, thì bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế, không có cơ sở chấp kháng cáo của bị cáo.

Luật sư giữ nguyên quan điểm tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất hối hận về tội lỗi của mình, có thái độ ăn năn hối cải và cố gắng khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Trần Duy V là hợp lệ.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm có nội dung phù hợp với lời khai người làm chứng các tài liệu và chứng cứ lưu trữ trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Trên cơ sở đó HĐXX khẳng định: Khoảng 00 giờ 15' ngày 02/6/2018, Trần Duy V điều khiển xe mô tô (không có giấy phép lái xe theo quy định và có nồng độ cồn trong máu là 202,75mg/100ml), chạy trên đường Lý Thường Kiệt hướng Thanh Hà đi Cửa Đại. Khi đến gần khu vực ngã ba giao nhau giữa đường Lý Thường Kiệt và Phan Đình Phùng thì gặp xe ô tô BKS 92A-084.27 do anh Trần Duy T1 điều khiển đang dừng sát lề bên phải đường Lý Thường Kiệt đón anh Ngô Quốc T đang đứng dưới đất mở cửa sau bên trái chuẩn bị lên xe, khi khoảng cách đến xe taxi khoảng 05m V mới phát hiện thấy. Vì khoảng cách quá gần nên V không xử lý kịp, để phía trước xe mô tô tông vào phía trong cửa sau bên trái của xe ô tô và người anh T. Hậu quả anh T bị thương nặng được đưa đi cấp cứu, điều trị đến ngày 07/9/2018 chết. Nguyên nhân gây ra vụ tai nạn làm anh T chết là do bị cáo điều khiển mô tô trong trạng thái không làm chủ được tốc độ và hành vi điều khiển phương tiện, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo. Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 260 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo, về lý do xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy: Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do Trần Duy V gây ra là thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn trong lĩnh vực hoạt động tham gia giao thông đường bộ; gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm các điểm a, b khoản 2 Điều 260 BLHS có khung hình phạt tù từ 3 năm đến 10 năm. Sau khi phạm tội, bị cáo cùng gia đình có nguyện vọng đề nghị bồi thường thiệt hại, nhưng gia đình bị hại đã không đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b khoản 2 Điều 260 BLHS. Xử phạt Trần Duy V 42 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu có bà nội Phạm Thị Nh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, nhưng không có tài liệu nào chứng minh bà Phạm Thị Nh là bà nội của bị cáo, nên không đủ cơ sở để xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên,

sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục tác động gia đình tự nguyện nộp cho Phòng Thi hành án Quân khu 5 với số tiền 90.000.000 đồng, để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại. Xét thấy, bị cáo hiện là sinh viên chưa có thu nhập nhưng đã tích cực tác động gia đình thực hiện bồi thường. Do đó, đây là tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, cần xem việc bồi thường thêm trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật trong chính sách hình sự của Nhà nước.

[4] Xét nội dung kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại:

Về chi phí cấp cứu, điều trị, thuê người chăm sóc, mai táng phí cho bị hại Ngô Quốc T là 61.980.762 đồng. Cụ thể: Chi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Thái Bình Dương 1.655.932 đồng; Bệnh viện ĐN 16.474.830 đồng; tiền thuê người chăm sóc bị hại là 10.000.000 đồng; chi phí mai táng 33.850.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận các chi phí trên là hợp lý, do vậy không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Về khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm ấn định tương đương 80 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là $80 \times 1.390.000$ đồng = 111.200.000 đồng là hợp lý. Tuy nhiên hiện nay mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đã thay đổi, do vậy khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần này cần phải tính lại là $80 \times 1.490.000$ đồng = 119.200.000 đồng.

Về cấp dưỡng cho hai cháu Ngô Quốc B, Ngô Quang Th là con của bị hại Ngô Quốc T. Tòa án cấp sơ thẩm ấn định mức 2.000.000 đồng/tháng tiền cấp dưỡng cho 02 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Về khoản tiền bồi hoàn cho Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, căn cứ theo điểm a khoản 3 Điều 12, Điều 22 Luật Bảo hiểm Y tế, thì bị hại Ngô Quốc T thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đóng; được quỹ bảo hiểm thanh toán 100% chi phí khám, chữa bệnh; trường hợp nguồn kinh phí này không đủ thì do ngân sách Nhà nước bảo đảm. Tại công văn số 3905/BV-KHTH, ngày 25/7/2019 của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, giải thích khoản tiền chi phí khám, chữa bệnh nội trú đối với bệnh nhân Ngô Quốc T, trong thời gian từ ngày 03/6/2018 đến ngày 07/9/2018, chi phí 692.919.004 đồng; khoản tiền này căn cứ theo Luật Bảo hiểm Y tế và Nghị định 70/2015/NĐ – CP ngày 01/9/2015 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Bảo hiểm Y tế đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân. Bệnh viện đã được Quỹ bảo hiểm Y tế thanh toán 613.735.014 đồng; Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng thanh toán 78.673.990 đồng; bệnh nhân Ngô Quốc T thanh toán 510.000 đồng tiền ăn. HĐXX, xét thấy:

Quỹ bảo hiểm Y tế và Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng (gọi chung là cơ quan bảo hiểm) thanh toán 692.409.004 đồng, tiền chi phí cứu chữa, điều trị đối với bị hại Ngô Quốc T là có căn cứ pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách “người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án” và tuyên bị cáo phải bồi hoàn tiền chi phí cứu chữa, điều trị đối với Ngô Quốc T cho Bệnh viện là không đúng; quyền, nghĩa vụ của Bệnh viện đã chấm dứt; Bệnh viện tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách “người làm chứng” mới chính xác.

Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập cơ quan bảo hiểm tham gia tố tụng tại phiên tòa để giải quyết, quyền và lợi ích của cơ quan bảo hiểm là thiếu sót, vụ án chưa được giải quyết toàn diện và đầy đủ. Tuy nhiên, căn cứ theo khoản 5 Điều 40 Luật bảo hiểm Y tế và pháp luật Dân sự, cơ quan bảo hiểm thanh toán chi phí cứu chữa, điều trị đối với Ngô Quốc T vẫn có quyền yêu cầu khởi kiện đòi Trần Duy V bồi hoàn khoản tiền này, tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền, nếu thấy quyền lợi của mình bị thiệt hại.

Vì những lẽ trên, không buộc bị cáo Trần Duy V hoàn trả khoản tiền chi phí cứu chữa, điều trị đối với Ngô Quốc T 692.409.004 đồng cho Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 trong vụ án này.

Khoản tiền 510.000 đồng tiền ăn của Ngô Quốc T trong thời gian điều trị, thì bị hại phải thanh toán; vì, bị hại vẫn hưởng lương trong thời gian điều trị. Nên không buộc bị cáo bồi thường 510.000 đồng tiền ăn của bị hại Ngô Quốc T.

Đối với khoản tiền 79.183.990 đồng gia đình bệnh nhân nộp cho Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện chỉ được thu 510.000 đồng tiền ăn số tiền còn lại 78.673.990 đồng phải trả cho gia đình bị hại; ông Ngô Quang L có quyền yêu cầu Bệnh viện trả lại 78.673.990 đồng.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Ngô Quang L 181.180.762 (một trăm tám mươi một triệu, một trăm tám mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) đồng, đã bồi thường 90.000.000 đồng (tại các phiếu thu số AD/2016/0004860 và AC/2016/0004944 ngày 31/5/2019 của Phòng thi hành án Quân khu 5) còn phải bồi thường 91.180.762 (chín mươi một triệu, một trăm tám mươi nghìn, bảy trăm sáu hai) đồng.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Trần Duy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải bồi thường là $91.180.762 \text{ đồng} \times 5\% = 4.559.038$ (bốn triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, không trăm ba mươi tám) đồng; bị cáo không phải nộp án phí hình sự, dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm c khoản 3 Điều 260; điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Duy V, sửa quyết định hình phạt và bồi thường thiệt hại của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Tòa án quân sự khu vực 1 Quân khu 5. Tuyên xử:

1.1 Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trần Duy V 36 (ba sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày đi thi hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 591; Điều 593; khoản 2 Điều 601 BLDS. Buộc bị cáo Trần Duy V phải bồi thường thiệt hại cho ông Ngô Quang L tổng số tiền 181.180.762 (một

trăm tám mươi một triệu, một trăm tám mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) đồng, đã nộp tạm ứng 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng bồi thường thiệt hại tại Phòng thi hành án Quân khu 5, còn phải bồi thường 91.180.762 (chín mươi một triệu, một trăm tám mươi ngàn, bảy trăm sáu mươi hai) đồng; cấp dưỡng cho cháu Ngô Quốc B 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, cháu Ngô Quang Th 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, kể từ ngày 07/9/2018 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS: Bị cáo Trần Duy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.559.038 (bốn triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, không trăm ba mươi tám) đồng.

Bị cáo Trần Duy V không phải nộp án phí hình sự và dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSQS QK5, THAHSQK5 (02bản);
- Phòng THAQK5;
- VKSQS KV51;
- Tòa KV1 (02B);
- CQĐTHS KV1 QK5;
- Bị cáo; Luật sư; Đại DHP Bị hại;
- Lưu: HS, Tiểu HS. H14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

2// Bùi Đình Tráng